|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ––––– |  | **Độc lập** – **Tự do** – **Hạnh phúc** |
|  |  | –––––––––––––––––––––– |
|  |  |  |

**BÁO CÁO VỀ RÀ SOÁT**

**CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)*

**I. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN**

**1. Tổng quan về kết quả rà soát**

Dự thảo Nghị định về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan được xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo tính hợp hiến và hợp pháp, thống nhất trong hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt các văn bản pháp quy liên quan đến lĩnh vực thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được ban hành hoặc bổ sung, sửa đổi trong thời gian gần đây. Quy định của dự thảo Nghị định cũng đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế Việt Nam đã tham gia như cam kết trong WTO, cam kết Biểu thuế quan hài hòa ASEAN (AHTN 2022), phù hợp với Công ước HS của Tổ chức hải quan thế giới về Danh mục mã hàng và mô tả hàng hóa.

**2. Căn cứ pháp luật ban hành Nghị định gồm:**

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

- Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

- Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

- Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

- Nghị quyết số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**3.** Bộ Tài chính với vai trò cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật nói trên đảm bảo phù hợp, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Nội dung rà soát được tập trung vào 6 văn bản luật được nêu tại điểm 2 nêu trên.

**4.** Để thực hiện Nghị quyết số Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và để khắc phục các bất cập phát sinh trên thực tiễn, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung 3 nhóm nội dung sau:

- Chuyển đổi Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Biểu thuế suất thông thường; Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng thuộc diện áp dụng hạn ngạch thuế quan để đảm bảo phù hợp với Danh mục AHTN 2022

- Rà soát, hợp nhất các quy định liên quan đến Biểu thuế thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung từ năm 2016 đến nay để tiếp tục thúc đẩy cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo minh bạch trong thực hiện;

- Sửa đổi, bổ sung thuế suất của một số mặt hàng để khắc phục các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện trên cơ sở kiến nghị của các Bộ, ngành, các Hiệp hội doanh nghiệp và doanh nghiệp.

Cụ thể như sau:

- **Nhóm 1: Chuyển đổi Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng thuộc diện áp dụng hạn ngạch thuế quan để đảm bảo phù hợp với Danh mục AHTN 2022**

Biểu thuế xuất khẩu; Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi; Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp đối với mặt hàng xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng; Danh mục hàng hóa và mức thuế suất thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng thuộc diện áp dụng hạn ngạch thuế quan được quy định tại Nghị định số 122/2016/NĐ-CP, Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, Nghị định số 57/2020/NĐ-CP; Nghị định số 101/2021/NĐ-CP và Nghị định số 51/2022/NĐ-CP tuân thủ hoàn toàn Danh mục thuế quan hài hòa 2017 của Tổ chức Hải quan thế giới (Danh mục HS 2017) và Danh mục AHTN 2017 của các nước ASEAN theo đúng cam kết và trách nhiệm của thành viên Công ước HS và thành viên ASEAN của nước ta.

Đến nay, Danh mục Biểu thuế hài hòa ASEAN 2022 đã chính thức được phê duyệt. Theo đó, với nghĩa vụ là thành viên áp dụng Danh mục AHTN 2022, Việt Nam cần chuyển đổi các Biểu thuế nêu trên theo Danh mục AHTN 2022. Theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định mới để thực hiện việc chuyển đổi các Biểu thuế nêu trên. Cụ thể như sau:

***(1) Về Biểu thuế xuất khẩu - Phụ lục I dự thảo Nghị định***

Biểu khung thuế suất thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có 211 nhóm hàng (cấp độ 4 số), trong đó, quy định cụ thể mã hàng và tên của 210 nhóm hàng hóa xuất khẩu, riêng nhóm hàng số thứ tự 211 quy định: *“Vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm không quy định ở trên có giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên”.* Căn cứ theo thẩm quyền được giao, tại Nghị định của Chính phủ đã quy định Biểu thuế xuất khẩu gồm 211 nhóm hàng *(được chi tiết thành 1.423 mã hàng theo cấp độ 8-10 số)*. Sau khi chuyển đổi theo Danh mục AHTN 2022, Biểu thuế xuất khẩu tăng từ 1.423 mã hàng (dòng thuế) lên 1.540 dòng thuế (tăng 117 dòng thuế). Trong số 1.540 dòng thuế này:

- Có 41 mã hàng được gộp từ các mã hàng của Biểu thuế hiện hành (từ hai hay nhiều mã hàng của Biểu hiện hành để hình thành một mã hàng mới). Qua rà soát các mã hàng được gộp lại có thuế suất bằng nhau, theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mức thuế suất thuế xuất khẩu cho mã hàng mới tương ứng với mức thuế suất hiện hành (không thay đổi về thuế suất).

- Có 1.499 mã hàng là: i) các mã hàng được hình thành trên cơ sở tách từ một số mã hàng của Biểu thuế hiện hành để hình thành các mã hàng mới và ii) các mã hàng được hình thành trên cơ sở gộp một phần của một số mã hàng của Biểu thuế hiện hành thành mã hàng mới. Đối với các mã hàng được tách ra, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mức thuế suất thuế xuất khẩu của các mặt hàng này như mức thuế suất của mã hàng gốc. Đối với các mã hàng được gộp, qua rà soát cho thấy mức thuế suất thuế xuất khẩu của các mã hàng gốc được tách ra để gộp và hình thành mã hàng mới đang được quy định như nhau. Theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mức thuế suất thuế suất khẩu của 1.499 mã hàng này tương ứng như mức thuế suất gốc (không thay đổi thuế suất).

Như vậy, đối với Biểu thuế xuất khẩu, thuế suất các mặt hàng sau khi chuyển đổi đều được giữ như quy định hiện hành. Việc thay đổi về mô tả và mã số theo Danh mục AHTN 2022 không làm thay đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đang áp dụng hiện nay.

***(2) Về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi (Biểu thuế MFN)***

Danh mục AHTN 2022 gồm 21 Phần, 97 Chương, 1.228 nhóm ở cấp độ 4 số, 4.084 phân nhóm ở cấp độ 6 số và được chi tiết thành 11.414 dòng cấp độ 8 số, tuân thủ hoàn toàn theo Danh mục AHTN 2022 (so với danh mục AHTN 2017 thì tăng 601 dòng hàng ở cấp độ 8 số). Như vậy, Danh mục AHTN 2022 có tổng số 16.726 dòng hàng, bao gồm các cấp độ 4 số, 6 số và 8 số, trong đó có 14.970 dòng hàng giữ nguyên mô và 1.756 dòng hàng có mô tả mới so với Danh mục AHTN 2017.

Do Danh mục AHTN 2022 có một số thay đổi về mô tả hàng hóa, tên gọi của một số mã hàng. Đồng thời, so với Biểu thuế hiện hành thì một số mã hàng đã được tách, gộp và quy định mới. Đối với các mã hàng này, Bộ Tài chính trình Chính phủ các nguyên tắc chung để xử lý chuyển đổi dòng thuế như sau:

(i) Đảm bảo tuân thủ cam kết về mức thuế suất trần trong WTO của nước ta; duy trì sự chênh lệch không quá lớn so với mức thuế suất ưu đãi đặc biệt quy định tại các Hiệp định FTA;

(ii) Hạn chế tối đa việc gây xói mòn cơ sở thuế do việc gộp dòng dẫn đến việc phải quy định mức thuế suất thấp hơn so với mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN hiện hành;

(iii) Đảm bảo tuân thủ nguyên tắc ban hành biểu thuế, thuế suất quy định tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

iv) Đảm bảo sự thuận lợi cho cơ quan hải quan, các cơ quan liên quan và người nộp thuế trong việc phân loại, áp mã.

(iv) Đối với các dòng gộp từ một số dòng thuế của Biểu thuế hiện hành có mức thuế suất khác nhau và có mức chênh lệch thuế suất giữa các dòng này cao (trên 5%), thực hiện tách dòng để quy định riêng tại Chương 98. Đối với các dòng gộp từ các dòng có mức chênh lệch thuế suất của các dòng này thấp hơn, thực hiện lựa chọn quy định theo mức thuế suất của dòng có kim ngạch cao hơn.

Phương án chuyển đổi cụ thể các dòng thuế như sau:

*a) Đối với mã hàng được giữ nguyên mã số, mô tả*

Qua rà soát cho thấy Danh mục ANTN 2022 có 9.781 dòng thuế có mã số và mô tả không thay đổi so với Biểu thuế hiện hành. Theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với các mặt hàng này như hiện hành (không tác động đến số thu NSNN và đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp).

*b) Đối với mã hàng mà theo Danh mục AHTN 2022 được tách thành các mã hàng khác nhau của Danh mục AHTN 2017*

Qua rà soát Danh mục AHTN 2022 có 1.278 dòng thuế được tách ra từ các dòng thuế hiện hành. Theo đó, Bộ Tài chính đã thực hiện tách theo đúng Danh mục AHTN 2022 và quy định cùng mức thuế suất đối với các mã hàng này trên cơ sở mức thuế suất hiện hành của mã hàng gốc theo Danh mục AHTN 2017. Theo đó, mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN của các mặt hàng này thuộc các mã này không thay đổi so với hiện hành[[1]](#footnote-1). Việc tách mã này không làm thay đổi thuế suất hiện hành mà chỉ tăng số lượng dòng thuế, theo đó, không tác động đến số thu NSNN cũng như hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp.

*c) Đối với mã hàng được chi tiết mới theo Danh mục HS 2022 mà trước đây Danh mục HS 2017 và ANTN 2017 không có quy định*

Hiện hành, mặt hàng thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến được quy định tại Chương 24 với 03 phân nhóm ở cấp độ 4 số (từ 24.01 đến 24.03). Qua rà soát Danh mục AHTN 2022 có đã bổ sung thêm một phân nhóm mới vào Chương này mà trước đây không có. Đó là phân nhóm 24.04: Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotine, hoặc các nguyên liệu thay thế là thuốc lá…). Phân nhóm này được hình thành trên cơ sở gộp một số mặt hàng hiện đang quy định ở 3 Chương (Chương 21, Chương 24 và Chương 38). Cụ thể, để hình thành nên phân nhóm này, Danh mục AHTN 2022 tách các mặt hàng là nguyên liệu thay thế lá thuốc lá, chiết xuất và tinh chất là thuốc lá (mã HS 2403.99.30; 2403.99.90); các chất khác của sản phẩm, chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác (mã HS 3824.99.99) và hỗn hợp khác của hóa chất với thực phẩm để chế biến thực phẩm (mã HS 2106.90.99).

Hiện hành, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của các mã trên rất khác nhau. Cụ thể, mặt hàng nguyên liệu thay thế lá thuốc lá, chiết xuất và tinh chất là thuốc lá (HS 2403.99.30 và 2403.99.90) có mức thuế suất MFN ở mức cao 30% và 50%, cam kết WTO là 100%, trong khi các chất chế phẩm hóa học của ngành công nghiệp hóa chất (HS 3824.99.99) và hỗn hợp hóa chất với thực phẩm (HS 2106.90.99) có mức thuế suất MFN ở mức thấp là 0% và 15%, bằng mức cam kết WTO.

Mặt hàng thuốc lá điện tử là mặt hàng mới phát sinh trong những năm gần đây, kim ngạch thương mại toàn cầu ngày càng tăng cao, người dân đang dần chuyển từ thuốc lá điếu sang thuốc lá điện tử. Trên cơ sở đánh giá hiện trạng hiện nay, gần đây, WCO đã chi tiết thêm nhóm hàng mới là 24.04 thuộc Chương 24[[2]](#footnote-2) cho thấy sự phát triển của mặt hàng này là rất lớn. Theo đó, cần phải có các biện pháp quản lý phù hợp, trong đó có biện pháp về thuế nhập khẩu. Đồng thời, phải quản lý mặt hàng thuộc nhóm 24.04 tương tự như các mặt hàng thuốc lá khác thuộc Chương 24 vì các sản phẩm này có thể thay thế cho các sản phẩm thuốc lá truyền thống.

Tại điểm f khoản 1 Chú giải Chương 21 và điểm c khoản 1 Chương 38 AHTN 2022 nêu Chương này không bao gồm sản phẩm của nhóm 24.04. Theo đó, các mặt hàng có chứa nguyên liệu thay thế lá thuốc lá và các chế phẩm hóa học chứa nicotine hoặc thay thế nicotine dùng để hấp thụ vào cơ thể người đều không được phân loại vào Chương 38 và Chương 21 mà phải được phân loại vào nhóm 24.04, chịu chính sách quản lý tương tự như các mặt hàng thuốc lá thông thường khác thuộc Chương 24. Hiện nay, Tổng cục Hải quan đã có công văn hướng dẫn phân loại các mặt hàng này vào Chương 24.

Tại thời điểm cam kết gia nhập WTO của Việt Nam, mặt hàng thuốc lá điện tử chưa có trong thương mại quốc tế nên ta chưa có cam kết đối với mặt hàng này. Như vậy, có thể hiểu mặt hàng này ta không có cam kết về cắt giảm thuế quan và mức thuế cam kết trần cụ thể. Trong trường hợp này, Bảng tương quan chuyển đổi của WCO nêu trên chỉ dành cho mục đích tham khảo.

Căn cứ quy tắc phân loại 1 của Tổ chức Hải quan thế giới thì: *“…việc phân loại hàng hóa phải được xác định theo nội dung của từng nhóm và bất cứ chú giải của các phần, chương liên quan và theo các quy tắc dưới đây nếu các nhóm hoặc các chú giải đó không có yêu cầu nào khác”.* Như vậy, các mặt hàng được liệt kê vào Chương 24 đều là thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến. Trên cơ sở phân tích nêu trên, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ quy định thuế suất MFN đối với nhóm 24.04 như sau:

- Mặt hàng chứa nicotine, chứa lá thuốc lá dùng để hít mà không cần đốt cháy (thuộc mã HS 2404.11.00 và HS 2404.12) áp dụng mức thuế suất MFN là 50%, bằng mức thuế suất hiện nay của mặt hàng thuốc lá thành phẩm để đảm bảo thống nhất về thuế suất và tránh gian lận trong phân loại do các mặt hàng trên có công dụng và bản chất là thuốc lá.

- Mặt hàng chất thay thế lá thuốc lá, thay thế nicotine (HS 2404.19.10 và 2404.19.20), Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mức thuế suất MFN 50% do bản chất đã có đặc trưng cơ bản của thuốc lá thành phẩm.

- Mặt hàng khác có chứa nicotine dùng để hấp thụ vào cơ thể người, ví dụ như kẹo cao su có chứa nicotine, miếng dán nicotine (HS 2404.91, 2404.92, 2404.99): Để đảm bảo thống nhất về thuế suất để tránh gian lận, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân loại, áp mã, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định cùng mức 50% (do mặt hàng này cũng là loại dùng tương tự như thuốc lá nhưng không phải ở dạng hút bằng đốt cháy mà ở dạng ngấm qua da hoặc bằng đường ăn thông thường).

*d) Đối với các mã hàng được gộp từ các mã hàng khác nhau hoặc gộp vào từ một phần của một số mã hàng khác (gồm 355 mã hàng)*

Ở cấp độ 8 số, Danh mục AHTN 2022 có 355 mã hàng được gộp từ các mã hàng khác nhau hoặc gộp từ một phần của một số mã hàng khác của Danh mục ANTN 2017[[3]](#footnote-3). Tổng số 355 mã hàng này được chia thành hai nhóm:

+ Nhóm 1: Có 338 mã hàng được tạo thành từ việc gộp một số mã hàng có cùng mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN; hoặc từ việc gộp một phần của một số mã hàng mà theo Biểu thuế MFN hiện hành có cùng mức thuế suất để hình thành 1 mã hàng mới.

+ Nhóm 2: Có 17 mã hàng (10 nhóm) được gộp từ các mã hàng khác nhau của Danh mục AHTN 2017 và có mức thuế suất MFN hiện hành khác nhau; hoặc từ việc gộp một phần của một số mã hàng của Danh mục AHTN 2017 và cũng có mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN hiện hành khác nhau.

Đối với các 355 dòng hàng này, Bộ Tài chính trình Chính phủ phương án chuyển đổi như sau:

- Đối với 338 mã hàng thuộc Nhóm 1

Do những dòng hàng được gộp từ các dòng hàng mà theo Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành có cùng mức thuế suất nên Bộ Tài chính đã chuyển đổi tương ứng theo mức thuế suất hiện hành của các mã hàng gốc. Thuế suất của mã hàng mới được kế thừa nguyên trạng mức thuế suất MFN hiện hành nên không tác động đến số thu và đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp[[4]](#footnote-4).

- Đối với 17 mã hàng thuộc Nhóm 2

Do các mã hàng được gộp từ các mã hàng có thuế suất thuế nhập khẩu MFN khác nhau, các cam kết về mức trần thuế suất đối với các mặt hàng này cũng nước ta khi gia nhập WTO cũng khác nhau nên không thể chuyển đổi 1-1 như Nhóm 1. Đồng thời, quy mô kim ngạch nhập khẩu của các dòng hàng trong nhóm này cũng rất khác nhau. Theo đó, trên cơ sở các nguyên tắc nêu trên. Những mặt hàng thuộc nhóm này bao gồm:

- Mặt hàng cua ghẹ.

- Mặt hàng điệp và các loài động vật thân mềm khác thuộc họ Pectinidae.

- Mặt hàng xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó.

- Mặt hàng chế phẩm đồng nhất của thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác.

- Mặt hàng các sản phẩm dùng để hít mà không cần đốt cháy chứa các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá (2404.19.10).

- Mặt hàng thuốc trừ nấm nêu trong phân nhóm 2[[5]](#footnote-5) của Chương 38, dạng bình xịt, trừ loại có hàm lượng validamycin không quá 3% tính theo trọng lượng tịnh.

- Mặt hàng Plastic làm từ các protein đã được làm cứng.

- Mặt hàng sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác có chứa magiezit, magnesia ở dạng periclase, dolomit bao gồm cả dạng dolime, hoặc cromit.

- Máy móc sử dụng công nghệ chế tạo đắp lớp loại khác[[6]](#footnote-6).

- Mặt hàng mô-đun đi-ốt phát quang (LED) (8539.51.00) và bộ phận của mô-đun đi-ốt phát quang (LED) (8539.90.30).

Chi tiết việc chuyển đổi các nhóm hàng này được thể hiện cụ thể trong Tờ trình Chính phủ.

**2. Nhóm 2: Rà soát, hợp nhất các quy định liên quan đến Biểu thuế thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung từ năm 2016 đến nay để tiếp tục thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa, tạo môi trường minh bạch trong thực hiện**

Kể từ khi ban hành đến nay, Nghị định số 122/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung ba lần. Nhiều nội dung liên quan đến việc áp dụng mức thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đang được quy định tại 4 văn bản, gây khó khăn cho cơ quan hải quan cũng như người nộp thuế trong việc theo dõi, tổ chức thực hiện. Theo đó, để tạo thuận lợi cho thực hiện, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, hợp nhất các quy định này.

Hiện hành, Nghị định về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi quy định tại các Nghị định (Nghị định số 122/2016/NĐ-CP, Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, Nghị định số 57/2020/NĐ-CP, Nghị định số 101/2021/NĐ-CP) được kết cấu như sau: Phần lời gồm các Điều khoản về chính sách thuế, một số Điều đan xen về mô tả mặt hàng và giải thích về hàng hóa, Điều khoản thi hành (tại phần đầu của Nghị định). Phần giữa gồm các Phụ lục Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu, Chương 98, Biểu thuế nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan, Biểu thuế nhập khẩu thông thường. Trong đó, phần Chương 98 được kết cấu bao gồm cả chính sách đối với ngành cơ khí trọng điểm, ngành ô tô, công nghiệp hỗ trợ... Chương này cũng bao gồm các mặt hàng được tách riêng từ 97 Chương của Biểu thuế do việc tách gộp dòng trong các phiên bản AHTN trước đây có chênh lệch thuế suất.

Một số nội dung quy định tại điều, khoản của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP đã được Bộ Tài chính rà soát trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP, Nghị định số 57/2020/NĐ-CP, Nghị định số 101/2021/NĐ-CP. Các nội dung quy định tại phần lời dự thảo Nghị định đang được triển khai thực hiện ổn định, chưa có phát sinh vướng mắc. Vì vậy, Bộ Tài chính kế thừa quy định đã được sửa đổi, bổ sung này và rà soát kết cấu lại cho phù hợp để thuận lợi cho việc thực hiện.

Đồng thời, Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại toàn bộ Chương 98 để chi tiết thêm tại Chương này đối với các dòng được gộp của Danh mục AHTN 2022 có ảnh hưởng đến thuế và gộp những dòng không còn chênh lệch thuế suất hoặc không có kim ngạch xuất nhập khẩu theo MFN

**3. Nhóm 3: Sửa đổi, bổ sung thuế suất của một số mặt hàng để khắc phục các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện trên cơ sở kiến nghị của các Bộ, ngành, hiệp hội doanh nghiệp, bao gồm các mặt hàng ống đồng, phân bón, xăng dầu, etanol, kính an toàn xe ô tô.**

Từ khi ban hành Nghị định số 122/2016/NĐ-CP, định kỳ Bộ Tài chính đã chủ động rà soát, phối hợp với các Bộ, ngành kịp thời trình Chính phủ điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi, mức thuế suất thuế xuất khẩu của một số mặt hàng cho phù hợp với tình hình thực tiễn và các yêu cầu phát triển, kinh tế - xã hội đặt ra trong từng thời kỳ. Tuy nhiên, thời gian gần đây, Bộ Tài chính tiếp tục nhận được một số kiến nghị của các Bộ, ngành, Hiệp hội, tổ chức quốc tế đề nghị điều chỉnh mức thuế suất thuế xuất khẩu, mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN của một số mặt hàng. Theo đó, cần rà soát để sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn hiện nay, đặc biệt là trong bối cảnh giá cả một số mặt hàng là nguyên liệu đầu vào cho sản xuất đang diễn biến phức tạp và có xu hướng tăng trong những tháng gần đây.

**II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN THAY ĐỔI CỦA HỆ THỐNG PHÁP LUẬT**

Dự thảo Nghị định được căn cứ theo các quy định Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015;Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06/4/2016;Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;Luật Hải quan ngày 23/6/2014;Luật Quản lý ngoại thương ngày 12/6/2017**;** Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03/6/2008;Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;Nghị quyết số 71/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đến nay, các quy định tại các pháp luật này không có sự thay đổi và các nội dung được sửa đổi, bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định không có sự thay đổi về các trích dẫn đối với các pháp luật nêu trên, ngoại trừ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021. Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo cập nhật trong phần căn cứ ban hành của dự thảo Nghị định (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 không ảnh hưởng thẩm quyền của Chính phủ). Theo đó, không phát sinh các vấn đề có liên quan đến sự thay đổi của hệ thống pháp luật. Các quy định của dự thảo Nghị định đảm bảo sự đồng bộ của với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia./.

1. Ví dụ: Mặt hàng máy bán hàng hóa tự động; trừ máy bán đồ uống tự động, không phải loại có lắp thiết bị làm nóng lạnh, hiện hành thuộc mã hàng 8476.89.00 và thuế suất thuế nhập khẩu MFN 0%. Danh mục AHTN 2022 tách mã hàng này thành 02 mã hàng: 8476.89.10 (máy đổi tiền) và 8476.89.90 (Máy bán hàng hóa tự động; trừ máy bán đồ uống tự động, không phải loại có lắp thiết bị làm nóng lạnh, trừ máy đổi tiền).

Theo đó, Bộ Tài chính xóa mã hàng 8476.89.00 và thay bằng 2 mã 8476.89.10 và 8476.89.90 như nêu trên với mức thuế suất 0% cho cả 2 mã hàng này. Như vậy, số lượng dòng thuế tăng thêm 1 dòng nhưng thuế suất các mặt hàng vẫn giữ nguyên như hiện hành. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo quy định của WCO, để chi tiết thêm nhóm hàng trong Danh mục HS cần điều kiện về kim ngạch, yêu cầu về phân loại và về quản lý. [↑](#footnote-ref-2)
3. Ví dụ: Mặt hàng cá biển khác (mã HS 0303.89.19-AHTN 2022) được gộp từ 02 mặt hàng là cá bạc (mã HS 0303.89.12-AHTN 2017) và cá biển khác (mã HS 0303.89.19-AHTN 2017); mặt hàng rau đồng nhất phù hợp cho mục đích ăn kiêng (mã HS 2005.10.30-AHTN 2022) được gộp từ 1 phần của mặt hàng rau đồng nhất đóng bao bì kín khí để bán lẻ (mã HS 2005.10.10-AHTN 2017) và 1 phần của mặt hàng rau đồng nhất khác (mã HS 2005.10.90-AHTN 2017). [↑](#footnote-ref-3)
4. Ví dụ, mặt hàng quạt có công suất không quá 125 kW, loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để làm mát bộ vi xử lý, thiết bị viễn thông,… (mã HS 8414.59.10 trong AHTN 2022) được gộp từ một phần của mặt hàng quạt có công suất không quá 125 kW có lưới bảo vệ (HS 8414.59.41 của AHTN 2017) và mặt hàng quạt có công suất không quá 125kW loại khác ((HS 8414.59.49 của AHTN 2017). Do hiện hành, 02 mặt hàng này đều có thuế suất 15% nên Bộ Tài chính trình Chính phủ áp dụng mức thuế suất 15% cho mặt hàng quạt có công suất không quá 125kW, loại chỉ sử dụng hoặc chủ yếu sử dụng để làm mát bộ vi xử lý, thiết bị viễn thông,… (mã HS 8414.59.10 theo AHTN 2022). [↑](#footnote-ref-4)
5. Phân nhóm 3808.61 đến 3808.69 chỉ bao gồm hàng hóa thuộc nhóm 38.08, chứa alpha-cypermethrin (ISO), bendiocarb (ISO), bifendthrin (ISO), chlorfenapyr (ISO), cyfluthrin (ISO), deltamethrin (INN, ISO), etofenprox (INN), fenitrothion (ISO), lambda-cyhalothrin (ISO), malathion (ISO), pirimiphos-methyl (ISO) hoặc propoxur (ISO).  [↑](#footnote-ref-5)
6. Máy móc sử dụng công nghệ chế tạo đắp lớp; trừ loại sử dụng vật liệu kim loại, sử dụng vật liệu plastic hoặc cao su, sử dụng vật liệu thạch cao plaster, xi măng, gốm hoặc thuỷ tinh. [↑](#footnote-ref-6)